

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số 356/KH-UBND ngày 17/9/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện
A	Truyền thông nâng cao nhận thức xã hội				
1	Đa dạng hóa các hình thức truyền thông tạo chuyển biến sâu sắc, thống nhất trong nhận thức của toàn xã hội về công tác bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật chuyển từ “y tế - chăm sóc” sang tiếp cận “xã hội - hòa nhập”, hướng đến việc loại bỏ định kiến, giảm bất bình đẳng, mở rộng cơ hội và trao quyền cho người khuyết tật, đóng góp bình đẳng vào sự phát triển của xã hội.	Sở Y tế, Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
2	Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí lồng ghép tuyên truyền hiệu quả các quan điểm, mục tiêu tại Quyết định số 1190/QĐ-TTg, các nội dung của Công ước CRPD và Kế hoạch tăng cường thực thi hiệu quả Công ước CRPD theo Quyết định số 916/QĐ-TTg ngày 21/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Y tế, Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật.	Hằng năm
3	Tuyên truyền, khuyến khích khơi dậy phong trào tham gia bảo vệ, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật; kịp thời khen thưởng, tôn vinh và nhân rộng các mô hình tự lực tiêu biểu được khen thưởng, vinh danh.	Sở Y tế, Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.		Hằng năm
2. Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng					
2.1	Thực hiện tốt xác định mức độ khuyết tật, giám định khuyết tật, phục hồi chức năng và các chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật.	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở, ngành liên quan	Tập huấn, kiểm tra	Hằng năm

2.2	Thực hiện các dịch vụ phát hiện sớm những khiếm khuyết ở trẻ trước khi sinh và trẻ sơ sinh; tuyên truyền, tư vấn và cung cấp dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản.	Sở Y tế, các cơ sở y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số trẻ em được can thiệp	Hàng năm
2.3	Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm, can thiệp sớm khuyết tật, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật	Sở Y tế, các cơ sở y tế, UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Hình thành mạng lưới cung cấp dịch vụ tầm soát, phục hồi chức năng, cung cấp dụng cụ chỉnh hình.	Hàng năm
2.4	Hướng dẫn phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng đối với người khuyết tật; lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử cho người khuyết tật tại các trạm y tế xã, phường, đặc khu để theo dõi và hỗ trợ kịp thời.	Sở Y tế; các cơ sở y tế, UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Tài liệu hướng dẫn PHCN, NKT được lập Sổ theo dõi tại Trạm y tế.	Hàng năm
3	Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế				
3.1	Tập huấn và tuyên truyền nhân rộng các mô hình hỗ trợ sinh kế, mô hình hỗ trợ người khuyết tật khởi nghiệp.	Sở Y tế; UBND các xã phường, đặc khu.	Sở Nội vụ, các Sở, ngành liên quan	Báo cáo đánh giá; tài liệu tập huấn	Hàng năm
4	Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ rủi ro thiên tai				
4.1	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, người khuyết tật và tổ chức của người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai.	Sở Y tế; UBND các xã phường, đặc khu.	Sở Nông Nghiệp và Môi trường; các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Các lớp tập huấn	Hàng năm

4.2	Xây dựng mô hình lồng ghép người khuyết tật trong phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai, bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật.	Sở Y tế; UBND các xã phường, đặc khu.	Sở Nông Nghiệp và Môi trường; các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Báo cáo mô hình	Hằng năm
5	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng				
5.1	Vận động nguồn lực hỗ trợ các trang thiết bị, dụng cụ trợ giúp đối với người khuyết tật: xe lăn, xe lắc, khung tập đi, gậy, máy trợ thính, chân giả, tay giả và các thiết bị cần thiết.	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số người khuyết tật được hỗ trợ thiết bị cần thiết	2026-2030
5.2	Tổ chức đào tạo, tập huấn phát hiện, sàng lọc, tư vấn sử dụng, bảo quản thiết bị trợ giúp người khuyết tật cho cán bộ trợ giúp người khuyết tật, gia đình và người khuyết tật.	Sở Y tế, UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số cán bộ trợ giúp người khuyết tật được tập huấn	2026-2030
5.3	Xây dựng mô hình “Cây gậy trắng” chỉ dẫn thông minh đối với người khiếm thị và mô hình sống độc lập và hòa nhập cộng đồng (khảo sát đánh giá nghiên cứu, tập huấn sử dụng cây gậy trắng, tập huấn tiếp cận các chính sách, vận động nguồn lực, kết nối dạy nghề, việc làm, hỗ trợ sinh kế, v.v...)	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số mô người khuyết tật được tham gia mô hình	2026-2030
6. Nâng cao nhận thức, năng lực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật và giám sát đánh giá					
6.1	Tập huấn trong lĩnh vực chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số chương trình, giáo trình đào tạo chăm sóc người khuyết tật	2026-2030

6.2	Tập huấn cho cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp người khuyết tật; gia đình người khuyết tật về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; tập huấn các kỹ năng sống cho người khuyết tật.	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số cán bộ, gia đình người khuyết tật được tập huấn	2026-2030
6.3	Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các mô hình trợ giúp người khuyết tật trong và ngoài nước.	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Báo cáo học hỏi kinh nghiệm tại các tỉnh, thành phố	2026-2030
6.4	Cập nhật, tổng hợp số liệu vào phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý thông tin về người khuyết tật.	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Số liệu về NKT	2026-2030
6.5	Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình và các chính sách, pháp luật đối với người khuyết tật.	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan;	Báo cáo	2026-2030
6.6	Kiểm tra, giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình	Sở Y tế; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan báo cáo	Báo cáo	2026-2030
7	Truyền thông nâng cao nhận thức xã hội				
7.1	Tuyên truyền phù hợp với từng nhóm đối tượng cụ thể. Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm truyền thông sử dụng ngôn ngữ ký hiệu, phụ đề, chữ nổi Braille hoặc các định dạng kỹ thuật số dễ truy cập, dễ đọc, dễ hiểu nhằm đảm bảo mọi dạng khuyết tật đều tiếp cận được thông tin.	- Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Xây dựng; - Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; - UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Y tế; các Sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia	Kế hoạch/Chương trình và các sản phẩm truyền thông về công tác trợ giúp người khuyết tật	Hằng năm

8	Trợ giúp xã hội				
8.1	Tiếp tục hoàn thiện các văn bản chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bảo đảm giáo dục bắt buộc ở cấp tiểu học và trung học cơ sở, phổ cập giáo dục trung học và tương đương đối với người khuyết tật và thúc đẩy thực hiện chính sách ưu đãi đối với giáo viên, nhân viên tham gia giáo dục trẻ khuyết tật.	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - UBND các xã, phường và đặc khu.	Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan	Văn bản về ưu đãi/phụ cấp đặc thù cho giáo viên và nhân viên giáo dục hòa nhập được thực hiện	2026-2030
8.2	Đưa nội dung giáo dục hòa nhập và giáo dục đối với người khuyết tật vào các chương trình đào tạo giáo viên đối với các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành sư phạm.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành liên quan	Chương trình, kế hoạch nội dung giáo dục hòa nhập	2026-2030
8.3	Tổ chức tập huấn cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật cấp học mầm non và phổ thông về nghiệp vụ giáo dục đối với người khuyết tật.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan;	Các lớp tập huấn, số người được tập huấn	2026-2030
8.4	Phát triển các mô hình giáo dục đối với người khuyết tật, hệ thống các cơ sở giáo dục đối với người khuyết tật hoạt động có hiệu quả với nhu cầu đa dạng của người khuyết tật: Phát hiện sớm, can thiệp giáo dục sớm, giáo dục đối với người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục, giáo dục người khuyết tật tại gia đình và cộng đồng, giáo dục từ xa.	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Y tế và các sở, ngành liên quan	Các mô hình/cơ sở giáo dục đa dạng cho người khuyết tật đi vào hoạt động.	2026-2030
8.5	Rà soát, cập nhật, quản lý dữ liệu về nhu cầu giáo dục của người khuyết tật vào phần mềm quản lý hệ thống hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Y tế và các sở, ngành liên quan	Phần mềm/Kho dữ liệu quản lý giáo dục người khuyết tật được số hóa và kết nối đồng bộ với cơ sở	2026-2030
9	Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế				
9.1	Tổ chức đào tạo nghề, tạo việc làm đối với người khuyết tật; thống kê, đánh giá các cơ sở đào tạo nghề đối với người khuyết tật và nhu cầu học nghề của người khuyết tật	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu	Các cơ quan liên quan	Số cơ sở đào tạo nghề và nhu cầu đào tạo nghề của người khuyết tật.	2026-2030

9.2	Xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo nghề đối với người khuyết tật linh hoạt về thời gian, địa điểm, tiến độ đào tạo phù hợp với nghề đào tạo, hình thức đào tạo thông qua các cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp hoặc các tổ chức của người khuyết tật; các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ có sử dụng lao động là người khuyết tật hoặc của người khuyết tật	Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Văn bản hướng dẫn đào tạo nghề/ việc làm đặc thù; Báo cáo thống kê nhu cầu học nghề của người khuyết tật.	2026-2030
9.3	Bố trí và giải ngân nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội từ Ngân hàng Chính sách xã hội cho thanh niên khuyết tật khởi nghiệp, phụ nữ khuyết tật, người khuyết tật và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.	Sở Nội vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.	Sở Y tế; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Báo cáo kết quả giải ngân vốn	2026-2030
10	Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng				
10.1	Đẩy mạnh các biện pháp thực thi Bộ Quy chuẩn Việt Nam 10:2024/BXD về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng trong các công tác thẩm tra, thẩm định, nghiệm thu, thanh tra, kiểm tra trong hoạt động xây dựng	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Các công trình tiếp cận	2026-2030
10.2	Bảo đảm tiếp cận sử dụng các công trình công cộng và nhà chung cư; xây dựng tài liệu hướng dẫn bảo đảm người khuyết tật tiếp cận các công trình xây dựng hiện hữu.	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Các công trình tiếp cận, kế hoạch hướng dẫn	2026-2030
10.3	Thúc đẩy các giải pháp trợ giúp tiếp cận các công trình xây dựng; xây dựng các tài liệu minh họa, hướng dẫn thực hiện, giáo trình giảng dạy về thiết kế tiếp cận các công trình xây dựng trong công tác đào tạo, tập huấn và nâng cao nhận thức của cộng đồng.	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Kế hoạch giải pháp trợ giúp tiếp cận	2026-2030
11	Trợ giúp tiếp cận và tham gia giao thông				
11.1	Tăng cường năng lực hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về giao thông tiếp cận để người khuyết tật có thể tiếp cận, sử dụng	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các cơ quan liên quan	Báo cáo kiểm tra tình hình tiếp cận hỗ trợ người khuyết tật	2026-2030
11.2	Xây dựng các tuyến mẫu và nhân rộng các xe vận tải hành khách công cộng để người khuyết tật tham gia giao thông	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường,	Các sở, ngành liên quan	Kế hoạch nhân rộng mô hình các xe	2026-2030

		đặc khu.		công cộng để người khuyết tật tham gia, số tuyến được tiếp cận	
11.3	Khảo sát, đánh giá thực trạng đảm bảo tiếp cận của hệ thống giao thông công cộng và nhu cầu tham gia giao thông của người khuyết tật phục vụ cho việc xây dựng chiến lược giao thông tiếp cận đến năm 2030, định hướng đến năm 2050.	Sở Xây dựng; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan	Báo cáo khảo sát, đánh giá	2026-2030
12	Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông				
12.1	Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng/trang tin điện tử hỗ trợ người khuyết tật	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các sở, ngành liên quan.	Báo cáo tình hình duy trì và phát triển trang thông tin điện tử của NKT	2026-2030
12.2	Đào tạo, tập huấn người khuyết tật tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; phát triển các hệ thống, giải pháp giáo dục, đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật bao gồm giáo dục văn hóa phổ thông các cấp và đào tạo nghề.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND các xã, phường, đặc khu.	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các sở, ngành liên quan.	Số tài liệu đào tạo sử dụng công nghệ; số chương trình đào tạo trực tuyến dành cho người khuyết tật tiếp cận	2026-2030
12.3	Phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông; nghiên cứu phát triển các công nghệ hỗ trợ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống của người khuyết tật.	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu.	- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Các sở, ngành liên quan.	Số người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin.	2026-2030
13	Trợ giúp pháp lý				
13.1	Tăng cường thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật; phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	Sở Tư pháp; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan.	Số người khuyết tật được trợ giúp pháp lý	2026-2030

13.2	Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý và những người phối hợp trong trợ giúp pháp lý với người khuyết tật.	Sở Tư pháp; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Chương trình, tài liệu và số người được tập huấn trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.	2026-2030
13.3	Tăng cường, đổi mới truyền thông về trợ giúp pháp lý với hình thức, nội dung phù hợp, dễ tiếp cận đối với người khuyết tật.	Sở Tư pháp; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các Sở, ngành liên quan. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số người khuyết tật được trợ giúp pháp lý	2026-2030
14	Hỗ trợ người khuyết tật trong hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch				
14.1	Thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể dục, thể thao người khuyết tật.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số câu lạc bộ được hình thành	2026-2030
14.2	Hoàn thiện và phát triển 15 môn thể thao dành cho người khuyết tật tập luyện, thi đấu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số môn thể thao được hình thành và luyện tập	2026-2030
14.3	Tăng cường ứng dụng công nghệ để người khuyết tật có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện và mức độ tiếp cận các điểm này với người khuyết tật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số điểm tham quan, nhà hàng, khách sạn tiếp cận	2026-2030
14.4	Tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực thể dục thể thao người khuyết tật cho các đối tượng: Trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật, hướng dẫn viên, cán bộ hội người khuyết tật; tập huấn đào tạo kỹ năng biểu diễn nghệ thuật	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường, đặc khu.	Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan; đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ	Số Trọng tài, huấn luyện viên, bác sỹ khám phân loại thương tật, ...được	2026-2030

	dành cho người khuyết tật; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên chuyên biệt về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ người khuyết tật khi tham gia các hoạt động du lịch.		chức thành viên tham gia.	tập huấn	
15	Trợ giúp phụ nữ khuyết tật				
15.1	Vận động, thực hiện chính sách liên quan tới phụ nữ khuyết tật (rà soát, đánh giá để đề xuất chính sách; nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu phân tích (theo giới, tuổi, dạng khuyết tật và các đặc điểm liên quan); truyền thông, giáo dục, vận động nâng cao nhận thức cộng đồng; tăng cường lồng ghép giới trong các chương trình về người khuyết tật; nâng cao năng lực cán bộ Hội các cấp trong hỗ trợ phụ nữ khuyết tật...).	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Dữ liệu phân tích, rà soát đánh giá Phụ nữ khuyết tật	2026-2030
15.2	Triển khai các hoạt động nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho phụ nữ khuyết tật (nâng cao kiến thức, kỹ năng; phát triển mạng lưới; chia sẻ kinh nghiệm; các hoạt động an sinh xã hội; rà soát, đánh giá các mô hình hiện có và thí điểm một số mô hình/hoạt động mới...); hỗ trợ phụ nữ khuyết tật nâng cao năng lực, kỹ năng số, kỹ năng tham gia xã hội.	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số phụ nữ khuyết tật được hỗ trợ, số mô hình.	2026-2030
15.3	Tăng cường phối hợp liên ngành trong các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khuyết tật	Sở Nội vụ; Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu.	Các sở, ngành liên quan; Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tham gia.	Số chương trình phối hợp	2026-2030
15.4	Nâng cao năng lực công tác thống kê, thực hiện lồng ghép hoặc tổ chức điều tra, khảo sát thống kê chuyên đề về người khuyết tật.	Sở Y tế	Các sở, ngành liên quan, UBND các xã, phường, đặc khu.	Số liệu về NKT	2026-2030